

Số: 08 /2021/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 26 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn
kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy
chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-
CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu
chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật; Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03
tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-
BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng
kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Xét Tờ trình số 3463/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên
địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 120/BC-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021*

của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chung

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (sau đây viết tắt là QCĐP) trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng QCĐP có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mức chi xây dựng QCĐP trên địa bàn tỉnh

1. Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo QCĐP (nếu có): Mức chi là 16.000.000 đồng/01 dự thảo đối với QCĐP không cần phải khảo sát, khảo nghiệm; mức chi 36.000.000 đồng/01 dự thảo đối với QCĐP cần phải khảo sát, khảo nghiệm.

2. Chi lập dự án QCĐP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức chi 1.200.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng, của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo QCĐP: Mức chi là 400.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo QCĐP.

4. Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo QCĐP: Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

5. Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo QCĐP, mức chi như sau:

a) Chủ trì cuộc họp: 480.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.

6. Chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài:

a) Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: Mức chi 120.000 đồng/trang (350 từ).

b) Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: Mức chi 150.000 đồng/trang (350 từ).

c) Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số: Mức chi 100.000 đồng/trang (350 từ).

d) Hiệu đính tài liệu dịch: mức chi 40.000 đồng/trang (350 từ).

đ) Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông, mức chi biên dịch được phép tăng 30% so với mức chi biên dịch nêu trên.

7. Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo QCĐP: Áp dụng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

8. Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo QCĐP: Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp.

9. Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo QCĐP: Mức chi 400.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

10. Chi họp hội đồng thẩm tra, thẩm định dự thảo QCĐP, mức chi được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng: 800.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi.

11. Chi công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

12. Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo QCĐP nhưng không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo khoản 1 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC, các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận Khóa XI, kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 11 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ban công tác Đại biểu - UBTW Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu VT. (CTHĐ.08) Tấn Duy

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh